

12:47

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.23

Board
1

Group
B14

Round
3

WHITE Zou, Junyu						FED		RESULT (W)			
BLACK Gun-Erdem Damba						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re2	e4	41	Re5	Rf4	61		
2	Nf3	d6	22	Rb1	Re5	42	Rf5	c3	62		
3	d4	c2	23	f4	h4	43	Rd1	Kh2	63		
4	Nd4	Nf6	24	f5	g6	44	Rd2	Rg2	64		
5	Nc3	a6	25	Rf1	Rf6	45	Rd3	Rg5	65		
6	h3	e5	26	f6	Rc8	46	Rd2	Rg2	66		
7	Nb3	h5	27	Rb4	Rg3	47	Rd3	Rg3	67		
8	Bp3	Re6	28	Rb6	Nf5	48			68		
9	f4	Nb2	29	Re2	Qd2	49			69		
10	f5	Bb3	30	Nf4	Nf3	50			70		
11	Qe6	Re7	31	Bf3	g4	51			71		
12	Re3	b5	32	Qf3	Qh3	52			72		
13	f3	Qc6	33	Qd2	Qh3	53			73		
14	Bp2	Re6	34	Qf3	Qh3	54			74		
15	O-O	b4	35	Qd2	Qd7	55			75		
16	Nd5	Nd5	36	Qf3	Rf4	56			76		
17	e2	Qc7	37	Rd6	Nf1	57			77		
18	Rf2	Bf6	38	Qa7	Rf2	58			78		
19	Qd2	a5	39	Qf2	Rf2	59			79		
20	Qd3	O-O	40	Rf4	Rf4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zou Junyu			Gun-Erdem			Z					

12:40

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.23

Board
1

Group
B14

Round
3

WHITE						FED CHN		26 0-2 1		RESULT (W) 1/2	
BLACK						FED				RESULT (B) 1/2	
Gun-Erdem, Damba											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g4	21	Re2	Re4	41	Rf2	Rf4	61		
2	Nf3	d6	22	Rf4	Re5	42	Rf4	Re5	62		
3	d4	c2	23	Rf4	h4	43	Rf4	Re5	63		
4	Nd4	Nf6	24	Rf5	g6	44	C3	Rd1	64		
5	Nc3	a6	25	Rf1	Rf8	45	Rf2	Rf2	65		
6	h3	e5	26	Rf1	Rf8	46	Rf2	Rf3	66		
7	Nb3	h5	27	Rf4	Rf3	47	Rf3	Rf2	67		
8	Bp3	Re6	28	Rf1	Nf5	48	Rf2	Rf2	68		
9	f4	Nb2	29	Re2	Rf7	49	Rf2		69		
10	f5	Rb3	30	Rf4	Lf3	50			70		
11	Qe6	Re7	31	Rf3	Qf1	51			71		
12	Re3	Rf5	32	Rf3	Rf3	52			72		
13	f3	Qc6	33	Qd2	Rf4	53			73		
14	Rp2	Re6	34	Rf3	Rf3	54			74		
15	O-O	b4	35	Rf2	Qd7	55			75		
16	Nd5	Nd5	36	Rf3	h5	56			76		
17	e2	Qc7	37	Rf3	Rf4	57			77		
18	Rf2	Rf6	38	Rf1	Rf8	58			78		
19	Qd2	a5	39	Rf1	Qc7	59			79		
20	Qd3	O-O	40	Rf2	Rf2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zou Junyu			Gun-Erdem			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23 Board 2

WHITE Feng, Yusheng											
BLACK Song, Dikun											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rc1	Qc8	41			61		
2	Nf3	d5	22	Nd4	B4	42			62		
3	c3	e6	23	Qb3	B3	43			63		
4	Bf4	c5	24	Nc6	Nf8	44			64		
5	e3	Nc6	25	d5+	Nf8	45			65		
6	Nbd2	Bd6	26	Rd3	Nf8	46			66		
7	Bb5	Bxf4	27	Qxd4	B3	47			67		
8	exf4	O-O	28	Nf5	Rc8	48			68		
9	dxc6	Qe7	29	Nf5	Qd4	49			69		
10	b4	Qc7	30	Kd1	Qd4	50			70		
11	g3	Nd7	31	Rd1	Qd4	51			71		
12	O-O	Qd6	32	Qd6	Rd8	52			72		
13	Bxc6	bxc6	33	Qd7	Qd6	53			73		
14	Nb3	f6	34	Cd8	Rd8	54			74		
15	Nf4	Rd8	35	Rac8	Rd8	55			75		
16	f5	e5	36	Qd3	Qd4	56			76		
17	Nx6	d4	37	Qd7		57			77		
18	Nc5	Nf8	38			58			78		
19	Cd4	e4	39			59			79		
20	d5	Bxb3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Feng, Yusheng				Song, Dikun				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23 Board 2

WHITE Song, Dikun											
BLACK											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd1	Qc8	41			61		
2	Nf3	d5	22	Nd4	B4	42			62		
3	c3	e6	23	Bb3	Rc8	43			63		
4	Bf4	c5	24	Nc6	Nf8	44			64		
5	e3	Nc6	25	d5+	Nf8	45			65		
6	Nbd2	Bd6	26	Rd3	Nf8	46			66		
7	Bb5	Bxf4	27	Qxd4	B3	47			67		
8	exf4	O-O	28	Nf5	Rc8	48			68		
9	dxc6	Qe7	29	Nf5	Qd4	49			69		
10	b4	Qc7	30	Kd1	Qd4	50			70		
11	g3	Nd7	31	Rd1	Qd4	51			71		
12	O-O	Qd6	32	Qd6	Rd8	52			72		
13	Bxc6	bxc6	33	Qd7	Qd6	53			73		
14	Nb3	f6	34	Cd8	Rd8	54			74		
15	Nf4	Rd8	35	Rac8	Rd8	55			75		
16	f5	e5	36	Qd3	Qd4	56			76		
17	Nx6	d4	37	Qd7		57			77		
18	Nc5	Nf8	38			58			78		
19	Cd4	e4	39			59			79		
20	d5	Bxb3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Song, Dikun				Feng, Yusheng				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



11:23

Group 014

Round 3

Date 8/

Board 5

WHITE						FED		RESULT (W)			
Xiaojuan G						CHN		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Beltran						PHI		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bh4	4b8	41			61		
2	c4	e6	22	Rb1	Rx4	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Lx1	Lb6	43			63		
4	g3	Nbd7	24	Rc1	Rb5	44			64		
5	Bg4	dxc4	25	Qd2	c3	45			65		
6	O-O	b6	26	Qe3	qs	46			66		
7	a4	a5	27	Rx3	Rx3	47			67		
8	Qc2	b5	28			48			68		
9	axb5	cxb5	29			49			69		
10	Nc5	Nd5	30			50			70		
11	Nc3	Nxe5	31			51			71		
12	dxe5	Bb7	32			52			72		
13	Nxb5	Qb6	33			53			73		
14	Na3	Bxa3	34			54			74		
15	Rxa3	Qc7	35			55			75		
16	Qc1	Nc7	36			56			76		
17	Bg5	O-O	37			57			77		
18	Rf1	Ba6	38			58			78		
19	Qc3	Nc6	39			59			79		
20	R1	N6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



11:23

Group 014

Round 3

Date 5/23/2026

Board 3

WHITE						FED		RESULT (W)			
Li, Xiaoyao						CHN		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
King Xyan Beltran						PHI		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bh4	Rab5	41			61		
2	c4	e6	22	Rab1	Rxb1	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Rxb1	Rb5	43			63		
4	g3	Nbd7	24	Rc1	Rb3	44			64		
5	Bg2	dxc4	25	Qd2	c3	45			65		
6	O-O	c6	26	Qe3	a4	46			66		
7	a4	a5	27	Rx3	Rxc3	47			67		
8	Qc2	b5	28			48			68		
9	axb5	cxb5	29			49			69		
10	Nc5	Nd5	30			50			70		
11	Nc3	Nxe5	31			51			71		
12	dxe5	Bb7	32			52			72		
13	Nxb5	Qb6	33			53			73		
14	Na3	Bxa3	34			54			74		
15	bxa3	Qc7	35			55			75		
16	e4	Ne7	36			56			76		
17	Bg5	O-O	37			57			77		
18	Rf1	Ra6	38			58			78		
19	Qc3	Nc6	39			59			79		
20	f4	h6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
											

12:48
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/6/23 Board 4

Group B14
Round 3

WHITE W. Wang											
BLACK Erdenebat, Galbaatar											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Nd4	Bd5	41	d5	Rb4	61		
2	Nf3	d5	22	g3	Rd5	42	Ke5	Bd7	62		
3	e3	Nb6	23	Rd3	Rd6	43	Kd5	Rb6	63		
4	b3	c5	24	Rd4	Kd6	44	h5	Ld4	64		
5	Bb2	Nc6	25	Bd3	Rd6	45	Kd4	Rd1	65		
6	cd	ed	26	Kd1	Rd7	46	g4	Rd1	66		
7	Bd2	d4	27	Ne2	Bd6	47	Rd3	Rd3	67		
8	ed	cd	28	Rd4	Bd7	48	Kd3	fs	68		
9	Bd5	Bd5	29	Nd4	Rd6	49	Nd4	Ke6	69		
10	Qd2	Bd6	30	Qd4	L5	50	Nf5	Bd5	70		
11	Qd3	Qd5	31	ab	Bd5	51	db	g4	71		
12	Bxc6	Qxc6	32	Re5	Bd7	52	Kd4	Ke7	72		
13	o-o	d3	33	Kd2	Rb6	53	d7	Ke7	73		
14	Rc1	Bd4	34	Re3	as	54	Re5	Bd4	74		
15	Kf1	Qd4	35	d4	Qd4	55	Nd6	Kd7	75		
16	Qd4	g4	36	Bd4	Bd4	56	Kd6	h6	76		
17	Nc3	Nc3	37	Rd3	Bd7	57	Ld7	Re7	77		
18	Bxc3	Bb6	38	Ke3	Rd2	58	Kd6	Re6	78		
19	Bd1	Rd8	39	Ld4	Ke7	59	Kd7	Ke7	79		
20	Bd4	Bd4	40	Ke4	Bd4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) W. Wang				SIGNATURE (BLACK) Erdenebat, Galbaatar				SIGNATURE (ARBITER) Z			

12:48
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-07-23 Board 4

Group B14
Round 3

WHITE W. Wang											
BLACK Erdenebat, Galbaatar											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Nd4	Bd5	41	d5	Rb4	61		
2	Nf3	d5	22	g3	Rd5	42	Ke5	Bd7	62		
3	e3	Nb6	23	Rd3	Rd6	43	Kd5	Rb6	63		
4	b3	c5	24	Rd4	Kd6	44	h5	Ld4	64		
5	Bb2	Nc6	25	Bd3	Rd6	45	Kd4	Rd1	65		
6	cd	ed	26	Kd1	Rd7	46	g4	Rd1	66		
7	Bd2	d4	27	Ne2	Bd6	47	Rd3	Rd3	67		
8	ed	cd	28	Rd4	Bd7	48	Kd3	fs	68		
9	Bd5	Bd5	29	Nd4	Rd6	49	Nd4	Ke6	69		
10	Qd2	Bd6	30	Qd4	L5	50	Nf5	Bd5	70		
11	Qd3	Qd5	31	ab	Bd5	51	db	g4	71		
12	Bxc6	Qxc6	32	Re5	Bd7	52	Kd4	Ke7	72		
13	o-o	d3	33	Kd2	Rb6	53	d7	Ke7	73		
14	Rc1	Bd4	34	Re3	as	54	Re5	Bd4	74		
15	Kf1	Qd4	35	d4	Qd4	55	Nd6	Kd7	75		
16	Qd4	g4	36	Bd4	Bd4	56	Kd6	h6	76		
17	Nc3	Nc3	37	Rd3	Bd7	57	Ld7	Re7	77		
18	Bxc3	Bb6	38	Ke3	Rd2	58	Kd6	Re6	78		
19	Bd1	Rd8	39	Ld4	Ke7	59	Kd7	Ke7	79		
20	Bd4	Bd4	40	Ke4	Bd4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) W. Wang				SIGNATURE (BLACK) Erdenebat, Galbaatar				SIGNATURE (ARBITER) Z			

13:04
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/08/26 Board 5

WHITE Ryo Lieyanto											
BLACK Lee Jiwoo											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Nxf4	Bf7	41	B72	Nec	61	Kd2	N96
2	g3	g6	22	Ncd5	Qxh4	42	Rf1	F4	62	Ke2	Kf4
3	b3	B97	23	e3	Nec	43	exf4	Nxf4	63	Bc8	Nc5
4	Bb2	c5	24	Bxg7	Kxg7	44	Rf3	kg7	64	Bb7	kg3
5	c4	Nc6	25	Qe1	Qxe1	45	Rdf1	Re2	65	Be4	g4
6	B92	d6	26	Bxe1	Nxf4	46	Rif2	Re5	66	Kf1	Kh2
7	O-O	e5	27	Nxf4	g5	47	Kh2	Re1	67	Bf5	g3
8	Nc3	O-O	28	Nd5	Bxd5	48	Rf1	Re2	68	Be4	Nxd3
9	d3	Bf5	29	Bxd5	a5	49	Rif2	Rxf2	69	Kc2	Nxf4
10	h3	h5	30	kg3	kg6	50	Bxf2	Re8	70	NKd2	g2
11	Nd2	Qd7	31	Bf3	Nf6	51	kg3	Re8	71	Bxg2	kg2
12	Kh2	Bae8	32	Rg1	Re8	52	Be4	Re8	72	Kc2	Kf2
13	Nde4	ag	33	Re1	Re4	53	kg4	Re2	73	Kd2	d3
14	Qd2	Nk7	34	Re2	b6	54	Re5	Ke5	74	Kd1	Kd3
15	Nd5	Qd8	35	Ree1	Rhe8	55	Kf3	Reh3	75	Ke1	d2
16	a4	Be6	36	Rg1	Nd7	56	Reh3	Nxh3	76	Kd1	Kd3
17	Nec3	f5	37	B92	KFG	57	Ke3	Nf4	77	b4	Nc2
18	f4	Nd4	38	Rd1	Reh8	58	Bf3	d5	78	b5	Nc3
19	Qd1	h4	39	Rhe1	NFg	59	B94	d4	79	O-1	
20	gxf4	exf4	40	Bd5	Re7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Ryo				SIGNATURE (BLACK) Lee				SIGNATURE (ARBITER) J.			

13:04
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23 Board 5

WHITE Lieyanto Ryo Manson											
BLACK Lee Jiwoo											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Nxf4	Bf7	41	Bg2	Nc6	61	Ke2	N96
2	g3	g6	22	Ncd5	Qxh4	42	Rf1	F4	62	Ke2	Kf4
3	b3	B97	23	e3	Nec	43	exf4	Nxf4	63	Bc8	Nc5
4	Bb2	c5	24	Bxg7	Kxg7	44	Rf3	kg7	64	Bb7	kg3
5	c4	Nc6	25	Qe1	Qxe1	45	Rdf1	Re2	65	Be4	g4
6	B92	d6	26	Bxe1	Nxf4	46	Rif2	Re5	66	Kf1	Kh2
7	O-O	e5	27	Nxf4	g5	47	Kh2	Re1	67	Bf5	g3
8	Nc3	O-O	28	Nd5	Bxd5	48	Rf1	Re2	68	Be4	Nxd3
9	d3	Bf5	29	Bxd5	a5	49	Rif2	Rxf2	69	Kc2	Nxf4
10	h3	h5	30	kg3	kg6	50	Bxf2	Re8	70	NKd2	g2
11	Nd2	Qd7	31	Bf3	Nf6	51	kg3	Re8	71	Bxg2	kg2
12	Kh2	Bae8	32	Rg1	Re8	52	Be4	Re8	72	Kc2	Kf2
13	Nde4	ag	33	Re1	Re4	53	kg4	Re2	73	Kd2	d3
14	Qd2	Nk7	34	Re2	b6	54	Re5	Ke5	74	Kd1	Kd3
15	Nd5	Qd8	35	Ree1	Rhe8	55	Kf3	Reh3	75	Ke1	d2
16	a4	Be6	36	Rg1	Nd7	56	Reh3	Nxh3	76	Kd1	Kd3
17	Nec3	f5	37	B92	KFG	57	Ke3	Nf4	77	b4	Nc2
18	f4	Nd4	38	Rd1	Reh8	58	Bf3	d5	78	b5	Nc3
19	Qd1	h4	39	Rhe1	NFg	59	B94	d4	79		
20	gxf4	exf4	40	Bd5	Re7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Ryo				SIGNATURE (BLACK) Lee				SIGNATURE (ARBITER) J.			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/23 Board 6

12:55

Group B14

Round 3

WHITE Lin, Jhen-Jie						FED TPE		RESULT(W) 0			
BLACK Kurniawan, Theodore Daniel						FED INA		RESULT(B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	c4	Rd3	41	Ba3	kg5	61		
2	Nf3	Nf6	22	Qe2	Bb8	42	Rc5	Kf4	62		
3	e3	e6	23	Recl	ft	43	Rc4	Kft	63		
4	Bd3	Ben	24	f4	c5	44	Rc6	Bxh2	64		
5	Nbd2	O-O	25	fxe5	Bxe5	45	Bf8	Be5	65		
6	O-O	b6	26	Kh1	f4	46	Rxa6	Rg3+	66		
7	e4	dxe4	27	Bf2	Bh6	47	Kf2	Rxb3	67		
8	Nxe4	Nbd7	28	Rc2	f3	48	Ra5	Kc4	68		
9	Ne5	Bb7	29	Qf1	fig2+	49	Ra6	Rg3+	69		
10	Qe2	Rac8	30	Qxg2	Rd1+	50	kg2	Rxf8	70		
11	Re1	Nxe4	31	Rxd1	Qxd1+	51	Rg6	Rc8	71		
12	Bxe4	Bxe4	32	Bg1	Qe1	52	Kh3	Rc2	72		
13	Nxd7	Qxd7	33	Qe2	Qg3	53	Rg1	Kf5	73		
14	Qxe4	c5	34	Qg2	Rd3	54	Rf4	Bf4	74		
15	dxc5	Rxc5	35	Qa8+	Kh7	55	Rh1	Ra2	75		
16	Be3	Rd5	36	Qe4	Qa6	56	a5	Rxa5	76		
17	c3	Bf6	37	Qxg6	Kxg6	57	Rg1	Ra2	77		
18	a4	Rd8	38	kg2	Rb3	58	Rg5+	Bg5	78		
19	h3	h6	39	c5	bxc5	59			79		
20	Qf3	Be5	40	Bxc5	ab	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
18			a			J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/8 Board 6

12:55

Group B14

Round 3

WHITE Lin, Jhen-Jie						FED TPE		RESULT(W) 0			
BLACK Kurniawan, Theodore						FED INA		RESULT(B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	c4	Rd3	41	Ba3	kg5	61		
2	Nf3	Nf6	22	Qe2	Bb8	42	Rc5	Kf4	62		
3	e3	e6	23	Recl	f5	43	Rc4+	Kf5	63		
4	Bd3	Be7	24	f4	e5	44	Rc6	Bxb2	64		
5	Nbd2	0-0	25	fxg	Bxe5	45	Bf8	Be5	65		
6	0-0	b6	26	Kh1	f4	46	Rxa6	Rg3+	66		
7	e4	dxe4	27	Bf2	Bf6	47	Kf2	Rxh3	67		
8	Nxe4	Nbd7	28	Rc2	f3	48	Ra5	Ke4	68		
9	Ne5	Bb7 (in)	29	Qf1	Rxg2+	49	Ra6	Rf3+	69		
10	Qe2	Rc8 (in)	30	Qxg2	Rd1+	50	kg2	Rxf8	70		
11	Re1	Nxe4 (in)	31	Rxd1	Qxd1+	51	Rg6	Rc8	71		
12	Bxe4	Bxe4	32	Bg1	Qe1	52	Kh3	Rc2	72		
13	Nxd7	Qxd7 (in)	33	Qe2	Qg3	53	Rg1	Kf5	73		
14	Qxe4	c5	34	Qg2	Ra3	54	Rf1+	Bf4	74		
15	dxc5	Rxc5	35	Qa8+	Kh7	55	Rh1	Ra2	75		
16	Be3	Rd5	36	Qe4	Qa6	56	a5	Rxa5	76		
17	c3	Bf6	37	Qxg6	Kxg6	57	Rg1	Ra2	77		
18	a4	Rf8	38	kg2	Rb3	58	Rg5+	Brg5	78		
19	h3	h6	39	c5	bxc5	59			79		
20	Qf3	Be5	40	Bxc5	a6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28 Board 7

WHITE Rajendran Kartikeyan										FED MAS	RESULT(W) /
BLACK Wang Yu-Chi Xavier										FED TPE	RESULT(B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qe2	Bxa4	41	Rg6	Kh8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nb5	Bb5	42	Rg4	Re4	62		
3	d4	exd4	23	Qxd4	Rd1	43	Rf4	Rxf4	63		
4	Nxd4	Bc5	24	Rf3	Q5	44	Qxa4	Qd1	64		
5	Be3	Qf6	25	h4	Rd2	45	Kh2	Qb3	65		
6	c3	Ne7	26	Re2	Bd2	46	Qd4	Kh7	66		
7	Bc4	Bb6	27	Qxe2	Qc6	47	Qd2	a4	67		
8	O-O	O-O	28	Re4	g4	48	f4	b5	68		
9	Q4	Q5	29	Rd4	Kf8	49	f5	Qa2	69		
10	Na3	Qb6	30	Rh4	Re8	50	Qd7	Kg8	70		
11	Re1	Rd8	31	Qd2	Ke7	51	Qe8	Kh7	71		
12	Nxc6	bxc6	32	Rg4	Kh7	52	Qg6	Kh8	72		
13	Bxb6	cxb6	33	Qd3	Kh8	53	f6	Qg8	73		
14	Qd4	d5	34	Qd4	f6	54	Qxg8	Kxg8	74		
15	exd5	Nxd5	35	Qd2	Kh7	55			75		
16	Bd5	Qd5	36	Qc2	Kh8	56			76		
17	Qxd5	De6	37	Qc1	f5	57			77		
18	Qb5	Bd7	38	Rf4	Qd5	58			78		
19	Qc4	Bc6	39	Rh4	Kg8	59			79		
20	Q3	Qf6	40	Bh6	f4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Wang Yu-Chi			J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/8/26 Board 7

WHITE Kartikeyan Rajendran										FED TPE	RESULT(W) /
BLACK Wang Yu-Chi Xavier										FED MAS	RESULT(B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qe2	Bxa4	41	Rg6	Kh8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nb5	Bb5	42	Rg4	Re4	62		
3	d4	exd4	23	Qxd4	Rd1	43	Rf4	Rxf4	63		
4	Nxd4	Bc5	24	Rf3	Q5	44	Qxa4	Qd1	64		
5	Be3	Qf6	25	h4	Rd2	45	Kh2	Qb3	65		
6	c3	Ne7	26	Re2	Bd2	46	Qd4	Kh7	66		
7	Bc4	Bb6	27	Qxe2	Qc6	47	Qd2	a4	67		
8	O-O	O-O	28	Re4	g4	48	f4	b5	68		
9	Q4	Q5	29	Rd4	Kf8	49	f5	Qa2	69		
10	Na3	Qb6	30	Rh4	Re8	50	Qd7	Kg8	70		
11	Re1	Rd8	31	Qd2	Ke7	51	Qe8	Kh7	71		
12	Nxc6	bxc6	32	Rg4	Kh7	52	Qg6	Kh8	72		
13	Bxb6	cxb6	33	Qd3	Kh8	53	f6	Qg8	73		
14	Qd4	d5	34	Qd4	f6	54	Qxg8	Kxg8	74		
15	exd5	Nxd5	35	Qd2	Kh7	55			75		
16	Bd5	Qd5	36	Qc2	Kh8	56			76		
17	Qxd5	De6	37	Qc1	f5	57			77		
18	Qb5	Bd7	38	Rf4	Qd5	58			78		
19	Qc4	Bc6	39	Rh4	Kg8	59			79		
20	Q3	Qf6	40	Bh6	f4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Wang Yu-Chi			J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE												FED		H/K-G		RESULT (W)		1	
BLACK												FED		MMB		RESULT (B)		0	
Wu, Xinyi																			
Ch ng, Kai Xue Blake																			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK					
1	e4	c5	21	e5	de	41	af6	1chtb	61										
2	nf3	1vc6	22	Qd7	Rb8	42	hf	e5	62										
3	d4	cd	23	Nc7	eb	43	Qg5	kg7	63										
4	1vc4	g6	24	Nab	Rnb	44	Qe5	1chtb	64										
5	c4	Bg7	25	Qcb	Rg8	45			65										
6	Be3	1vc6	26	Qd7	Qnb	46			66										
7	Nc3	O-O	27	b5	Rcd	47			67										
8	Be2	b6	28	bac	ef	48			68										
9	O-O	Bb7	29	Bf4	Rf5	49			69										
10	f3	Qb8	30	Rf4	Qf5	50			70										
11	Qd2	Rb8	31	a7	Bes	51			71										
12	Ncb5	ub	32	u8a0	Qkg	52			72										
13	Nb5	Rd7	33	Qf3	Qhf	53			73										
14	Ruall	Qf8	34	1of1	Bf4	54			74										
15	1vc6	Bf6	35	Qb3	Qb	55			75										
16	f4	Rd8	36	gh	Bes	56			76										
17	b4	Qg7	37	ko2	b5	57			77										
18	q3	Rc8	38	Qb5	Bf6	58			78										
19	Bg4	ub	39	Rf	B5	59			79										
20	Rc8	Rc8	40	Qb5	h5	60			80										
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)							
huy						Liu						Z							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23

Board 9

Group B14

Round 3

WHITE Lee Gyageon						FED		RESULT(W) 1			
BLACK Ireeit, Batsaikhan						FED		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21			41			61		
2	d4	d5	22			42			62		
3	e5	Bf5	23			43			63		
4	h4	h5	24			44			64		
5	c4	e6	25			45			65		
6	NC3	Nd7	26			46			66		
7	Cxd5	Cxd5	27			47			67		
8	Bc3	Bd3	28			48			68		
9	Qd3	Ne7	29			49			69		
10	Bd5	Qd8	30			50			70		
11	Nd2	Nf5	31			51			71		
12	Nd5	exd5	32			52			72		
13	Nxf5	Bxf5	33			53			73		
14	Kf1	g6	34			54			74		
15	Qd3	g5	35			55			75		
16	Q3	Be7	36			56			76		
17	Bd4	Ne7	37			57			77		
18	Nf1	Qc6	38			58			78		
19	Ne2	Nb6	39			59			79		
20	Qd1		40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee Gyageon</i>						SIGNATURE (BLACK) <i>Ireeit</i>		SIGNATURE (ARBITER) <i>J</i>			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23

Board 9

Group B14

Round 3

WHITE Lee, Gyageon						FED KOR		RESULT(W) 1			
BLACK Ireeit, Batsaikhan						FED MGL		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21			41			61		
2	d4	d5	22			42			62		
3	e5	Bf5	23			43			63		
4	h4	h5	24			44			64		
5	c4	e6	25			45			65		
6	Nc3	Nd7	26			46			66		
7	Cxd5	Cxd5	27			47			67		
8	Bd3	Bd3	28			48			68		
9	Qd3	Ne7	29			49			69		
10	Bd5	Qd8	30			50			70		
11	Nd2	Nf5	31			51			71		
12	Nd5	Cxd5	32			52			72		
13	Qxd5	Bxf5	33			53			73		
14	Kf1	g6	34			54			74		
15	Qd3	Ng3	35			55			75		
16	Qf1	Be7	36			56			76		
17	Bd4	Kc2	37			57			77		
18	Nf1	Qc6	38			58			78		
19	Kc2	Nb6	39			59			79		
20	Qd1		40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Lee Gyageon						Ireeit		J			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23 Board 10

11:18

Group 8-14

Round 3

WHITE: Fang, yue xiang											
BLACK: Hu, jin peng											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bh2	Qd8	41			61		
2	c4	e6	22	Bc4	Re8	42			62		
3	Ne3	Nf6	23	Nf4	Nf4	43			63		
4	cd	ed	24	Bd4	Be6	44			64		
5	Bg5	Bb7	25	Bb6	Ra8	45			65		
6	e3	c6	26	Bb7	Ra7	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Bc6	Bd7	47			67		
8	Nge2	Nbd7	28	d5	S5	48			68		
9	O-O	Re8	29	Bb3	Rc7	49			69		
10	Qc2	Nf8	30	Bb6	Nb4	50			70		
11	f3	g6	31	Qe4	Bc5	51			71		
12	Ra1	Ne6	32	Bc7	Qc7	52			72		
13	Bh4	b5	33	Qf3	Bc6	53			73		
14	Kh1	a5	34	dc	Re3	54			74		
15	Bf2	Bd7	35	Qf6	Be7	55			75		
16	e4	b4	36	Qf7	Kh8	56			76		
17	Na4	de	37	Qf2		57			77		
18	fe	Nb4	38			58			78		
19	Bb1	Qc7	39			59			79		
20	h3	Nf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Fang Yue Xiang				Hu Jin Peng				Zhang			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23 Board 10

11:18

Group 8-14

Round 3

WHITE: Fang, yue xiang											
BLACK: Hu, jin peng											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bh2	Qd8	41			61		
2	c4	e6	22	Bc4	Re8	42			62		
3	Ne3	Nf6	23	Nf4	Nf4	43			63		
4	cd	ed	24	Bd4	Be6	44			64		
5	Bg5	Bb7	25	Bb6	Ra8	45			65		
6	e3	c6	26	Bb7	Ra7	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Bc6	Bd7	47			67		
8	Nge2	Nbd7	28	d5	g5	48			68		
9	O-O	Re8	29	Bb3	Rc7	49			69		
10	Qc2	Nf8	30	Bb6	Ne4	50			70		
11	f3	g6	31	Qe4	Bc5	51			71		
12	Ra1	Ne6	32	Bc7	Qc7	52			72		
13	Bh4	b5	33	Qf3	Bc6	53			73		
14	Kh1	a5	34	dc	Re3	54			74		
15	Bf2	Bd7	35	Qf6	Be7	55			75		
16	e4	b4	36	Qf7	Kh8	56			76		
17	Na4	de	37	Qe2		57			77		
18	fe	Nb4	38			58			78		
19	Bb1	Qc7	39			59			79		
20	h3	Nf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Fang Yue Xiang				Hu Jin Peng				Zhang			

11:00

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23 Board 11

WHITE: Wu Zihao						FED		RESULT (W) 1 0					
BLACK: Xia Peicheng						FED		RESULT (B) 0 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	e6	21	Pc1	Rd8	41			61				
2	C4	d5	22	Nf3	Rd8	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	Pc1		43			63				
4	Bg3	Be7	24			44			64				
5	e3	O-O	25			45			65				
6	Bd3	d6	26			46			66				
7	Bg4	Nb7	27			47			67				
8	Nf3	b6	28			48			68				
9	O-O	Bg7	29			49			69				
10	Rc1	ab7	30			50			70				
11	a3	Rc8	31			51			71				
12	Ba2	c5	32			52			72				
13	a3	Nc5	33			53			73				
14	Nd4	Ne4	34			54			74				
15	Be7	ae7	35			55			75				
16	Ne4	Ne7	36			56			76				
17	Qg4	Qg5	37			57			77				
18	Qg5	Nxg5	38			58			78				
19	f3	h6	39			59			79				
20	Rd1	Rc1	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Xia Peicheng						Wu Zihao						Z	

11:00

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23 Board 11

WHITE						FED		RESULT (W)			
Xia Peicheng								0.5			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Wu Zihao								0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Rxc1	Rc8	41			61		
2	c4	d5	22	Rd1	Rd8	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rc1		43			63		
4	Bg5	Be7	24			44			64		
5	e3	O-O	25			45			65		
6	Bd3	dxc4	26			46			66		
7	Bxc4	Nb7	27			47			67		
8	Nf3	h6	28			48			68		
9	O-O	g5	29			49			69		
10	Rc1	g4	30			50			70		
11	a3	g4	31			51			71		
12	Ba2	g5	32			52			72		
13	dxc5	Nxc5	33			53			73		
14	Nd4	Nf6	34			54			74		
15	Bxe7	Qxe7	35			55			75		
16	Nxe4	Nxe4	36			56			76		
17	Qg4	Qg5	37			57			77		
18	Qxg5	Nxg5	38			58			78		
19	f3	h6	39			59			79		
20	Rf1	Rxc1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Peicheng						Wu Zihao		Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



11:53
Group B4
Round 3
Date 2026.8.23 Board 13
P12
CHN
RESULT (W) 1
RESULT (B) 0

WHITE: Deca Basilio Limel										BLACK: Zhang Xiaozhe									
WHITE										BLACK									
11										12									
13										14									
15										16									
17										18									
19										20									
21										22									
23										24									
25										26									
27										28									
29										30									
31										32									
33										34									
35										36									
37										38									
39										40									
41										42									
43										44									
45										46									
47										48									
49										50									
51										52									
53										54									
55										56									
57										58									
59										60									
61										62									
63										64									
65										66									
67										68									
69										70									
71										72									
73										74									
75										76									
77										78									
79										80									
81										82									
83										84									
85										86									
87										88									
89										90									
91										92									
93										94									
95										96									
97										98									
99										100									
101										102									
103										104									
105										106									
107										108									
109										110									
111										112									
113										114									
115										116									
117										118									
119										120									
121										122									
123										124									
125										126									
127										128									
129										130									
131										132									
133										134									
135										136									
137										138									
139										140									
141										142									
143										144									
145										146									
147										148									
149										150									
151										152									
153										154									
155										156									
157										158									
159										160									
161										162									
163										164									
165										166									
167										168									
169										170									
171										172									
173										174									
175										176									
177										178									
179										180									
181										182									
183										184									
185										186									
187										188									
189										190									
191										192									
193										194									
195										196									
197										198									
199										200									
201										202									
203										204									
205										206									
207										208									
209										210									
211										212									
213										214									
215										216									
217										218									
219										220									
221										222									
223										224									
225										226									
227										228									
229										230									
231										232									
233										234									
235										236									
237										238									
239										240									
241										242									
243										244									
245										246									
247										248									
249										250									
251										252									
253										254									
255										256									
257										258									
259										260									
261										262									
263										264									
265										266									
267										268									
269										270									
271										272									
273										274									
275										276									
277										278									
279										280									
281										282									
283										284									
285										286									
287										288									
289										290									
291										292									
293										294									
295										296									
297										298									
299										300									
301										302									
303										304									
305										306									
307										308									
309										310									
311										312									
313										314									
315										316									
317										318									
319										320									
321										322									
323										324									
325										326									
327										328									
329										330									
331										332									
333										334									
335										336									
337										338									
339										340									
341										342									
343										344									
345										346									
347										348									
349										350									
351										352									
353										354									
355										356									
357										358									
359										360									
361										362									
363										364									
365										366									
367										368									
369										370									
371										372									
373										374									
375										376									
377										378									
379										380									
381										382									
383										384									
385										386									
387										388									
389										390									
391										392									
393										394									
395										396									
397										398									
399										400									
401										402									
403										404									
405										406									
407										408									
409										410									
411										412									
413										414									
415										416									
417										418									
419										420									
421										422									
423										424									
425										426									
427										428									
429										430									
431										432									
433										434									
435										436									
437										438									
439										440									
441										442									
443										444									
445										446									
447										448									
449										450									
451										452									
453										454									
455										456									
457										458									
459										460									
461										462									
463										464									
465										466									
467										468									
469										470									
471										472									
473										474									
475										476									
477										478									
479										480									
481										482									
483										484									
485										486									
487										488									
489										490									
491										492									
493										494									
495										496									
497										498									
499										500									
501										502									
503										504									
505										506									
507										508									
509										510									
511										512									
513										514									
515										516									
517										518									
519										520									
521										522									
523										524									
525										526									
527										528									
529										530									
531										532									
533										534									
535										536									
537										538									
539										540									
541										542									
543										544									
545										546									
547										548									
549										550									
551										552									
553										554									
555										556									
557										558									
559										560									
561										562									
563										564									
565										566									
567										568									
569										570									
571										572									
573										574									
575										576									
577										578									
579										580									
581										582									
583										584									
585										586									
587										588									
589										590									
591										592									
593										594									
595										596									
597										598									
599										600									
601										602									
603										604									
605										606									
607										608									
609										610									
611										612									
613										614									
615										616									
617										618									
619										620									
621										622									
623										624									
625										626									
627										628									
629										630									
631										632									
633										634									
635										636									
637										638									
639										640									
641										642									
643										644									
645										646									
647										648									
649										650									
651										652									
653										654									
655										656									
657										658									
659										660									
661										662									
663										664									
665										666									
667										668									
669										670									
671										672									
673										674									
675										676									
677										678									
679										680									
681										682									
683										684									
685										686									
687										688									
689										690									
691										692									
693										694									
695										696									
697										698									
699										700									
701										702									
703										704									
705										706									
707										708									
709										710									
711										712									
713										714									
715										716									
717										718									
719										720									
721										722									
723										724									
725										726									
727										728									
729										730									
731										732									
733										734									
735										736									
737										738									
739										740									
741										742									
743										744									
745										746									
747										748									
749										750									
751										752									
753										754									
755										756									
757										758									
759										760									
761										762									
763										764									
765										766									
767										768									
769										770									
771										772									
773										774									
775										776									
777										778									
779										780									
781										782									
783										784									
785										786									
787										788									
789										790									
791										792									
793										794									
795										796									
797										798									
799										799									
800										800									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



11:53
Group B14
Round 3
Date August 23 Board 13
P11
CHN
RESULT (W) 1
RESULT (B) 0

WHITE: Lionel Deca Basilio										BLACK: Zhang Xiaozhe										FED: PHI										August 23 3										RESULT (W): 1									
BLACK: Zhang Xiaozhe																				FED: CHN																				RESULT (B): 0									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK											
1	d4	d5	21	Nc5	Bd6	41	bxc4	Bxd	61																																								
2	c4	c6	22	Be3	Bxc5	42	Rxc4	Kxc4	62																																								
3	Nc3	Nf6	23	fxe5	Rf7	43	~~exg~~ e6	Qe	63																																								
4	e3	e6	24	Bh6	Rc6	44	e7	a4	64																																								
5	Nf3	Nd7	25	Rf8	Qd7	45	exg	a3	65																																								
6	Bd3	Be7	26	h4	Rf5	46	Qa4	Kr3	66																																								
7	O-O	dx4	27	Bxf8	~~fxg5~~	47	Qxg3	Kd	67																																								
8	Bxc4	b5	28	Bxf5	exf4	48	Qd3	Kc1	68																																								
9	Bd3	a6	29	Qg5	Qe7	49	Qb3	f4	69																																								
10	e4	Bb7	30	Qe7	~~fxe7~~	50	Kd3		70																																								
11	e5	Nd8	31	Rc3	Rc4	51			71																																								
12	Nd5	cd8	32	Rac1	Kd8	52			72																																								
13	Re1	O-O	33	Rxc4	dx4	53			73																																								
14	Rc3	Rc9	34	Q3	Kd1	54			74																																								
15	Nb1	Bg2	35	Kf2	Kc5	55			75																																								
16	Rh3	Q6	36	Ke3	Be4	56			76																																								
17	f4	Be7	37	a4	Be6	57			77																																								
18	Qg4	f5	38	axb5	Bxb5	58			78																																								
19	e4c	Rxc4	39	Rc3	Kd5	59			79																																								
20	Nf3	Nf8	40	b3	h5	60			80																																								
SIGNATURE (WHITE)										SIGNATURE (BLACK)										SIGNATURE (ARBITER)																													
										Zhang Xiaozhe										Z																													

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.08.21
Board: 5

WHITE: AHCANSONGBO												FED	RESULT (W)
BLACK: Gabriel Givern												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Ng4	Bb7	41	Rd5	Ce2	61				
2	d4	c4	22	Nb5	h6	42	Kf2	Ng6	62				
3	c3	dxc3	23	Rd7	Qc6	43	Rb5	~~Bb2~~	63				
4	Nc3	Nc6	24	Qd5	Qd5	44	Nb5	Bd2	64				
5	Ne3	e6	25	Nc2	Qd7	45	Nc5	Kd5	65				
6	Bf4	Qe6	26	Rd2	Nd5	46	Ne4	Kf4	66				
7	Be2	d5	27	Rb8	Rd7	47	Rd2	g4	67				
8	e5	Qb4	28	Nc6	Kc6	48	Rd2	~~h4~~	68				
9	c5	~~h4~~	29	Rd8	Qd7	49	Rd2	g4	69				
10	Nc4	Nd5	30	Rd8	Kc5	50	Nf5	Qb6	70				
11	Qd5	Qb6	31	Nd7	Kc6	51	Kf4	Kd3	71				
12	Q3	Bf8	32	Nd8	~~Bb5~~	52	Nf6		72				
13	Q4	~~Bb5~~	33	Nb2	d4	53			73				
14	~~Qd5~~	~~Qd5~~	34	Nd5	Ce2	54			74				
15	Qb3	b4	35	Nb3	d3	55			75				
16	Bc4	Nd5	36	f3	Qd1	56			76				
17	~~Qd5~~	~~Qd5~~	37	Nf2	b3	57			77				
18	Rd8	Qd8	38	Kf1	d5	58			78				
19	Qd7	Qc6	39	Rb8	Qd6	59			79				
20	Rd1	Qb8	40	Rb5	Qb2	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			2				

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.08.21
Board: 5

WHITE: AHCANSONGBO, DAVANBORJ												FED	RESULT (W)
BLACK: Gabriel Givern												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nd4	Bb7	41	Rd5	Be2	61				
2	d4	c4	22	Nb5	h6	42	Kf2	Ke6	62				
3	c3	dxc3	23	Rd7	Bc6	43	Rd5	Be5	63				
4	Nc3	Nc6	24	Qd5	Qd5	44	Bxb3	Bb2	64				
5	Ne3	e6	25	Nc2	Qd7	45	Nc5	Kf5	65				
6	Bf4	Qe6	26	Rd2	Nd5	46	Nd4	Kd4	66				
7	Be2	d5	27	Rb8	Ke7	47	Rb2	b4	67				
8	e5	Bb4	28	Nc6	Ke6	48	Be2	dxc2	68				
9	O-O	Nge7	29	Rd8	Be7	49	Ke2	g4	69				
10	Ne4	Nd5	30	Rd8	Kc5	50	Kf3	Qb6	70				
11	Bd5	Qb6	31	Nc4	Kf6	51	Kf4	Kd3	71				
12	a3	Bf8	32	Nd8	Bb5	52	Kf6		72				
13	a4	Bb7	33	Nb7	d4	53			73				
14	Qd5	Qd5	34	Nd5	Be2	54			74				
15	Qb3	b4	35	Nb3	d3	55			75				
16	Bc4	Nd5	36	f3	Bd1	56			76				
17	Qd3	Nd4	37	Nd2	b3	57			77				
18	Rd8	Qd8	38	Kf1	d5	58			78				
19	Qd7	Bc6	39	Rb8	Bd6	59			79				
20	Rd1	Qb8	40	Rb5	Bb2	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			2				

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/07/12

Group U14
Round 3

WHITE Lee Jodwon											
BLACK Li, Yupeng											
FED KOR						FED CHN					
RESULT (W)						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Ng5	Qb6	41	h4	Rg8	61		
2	Nf3	d5	22	Qh4	Rf8	42	Ng5	Rf8	62		
3	exd5	cxd5	23	Qh7+	Kf8	43	Ng5	Sf5	63		
4	d4	Nf6	24	Qh8+	Ke7	44	g4	Sg4	64		
5	c3	Nc6	25	Qg7	Rf8	45	Rg4	Rb5	65		
6	Bd3	Bg4	26	Qf6+	Ke8	46	b4	Rf8	66		
7	Bf4	e6	27	Rb1	Ne4	47	Rd4	Rf8	67		
8	O-O	Be7	28	Rxe4	dxe4	48	Ke3	Kc6	68		
9	Nbd2	O-O	29	Nxe4	Rf6	49	Q4	a6	69		
10	h3	Bh5	30	Qf5	Rf6	50	Rf5	Rf5	70		
11	Qb3	Na5	31	Rd4	Kc7	51	Rd4	Kd6	71		
12	Qc2	Bg6	32	Na6	Qc6	52	Rxe5	Rxe5	72		
13	Rxg6	hxg6	33	Rd4	g5	53	c4	b6	73		
14	Ne5	Nc6	34	Qe3	Kd8	54	f3	Q5	74		
15	Rse1	Nxe5	35	Rc4	Qd6	55	c5	b5	75		
16	Rxe5	Bd6	36	Rb4	Rd6	56	axh5	Q4	76		
17	Qd3	Rxe5	37	exd6	Qd4	57	b6		77		
18	dxe5	Nd7	38	h7	Qxh6	58			78		
19	Qg3	Rc8	39	Qg3	Qg3	59			79		
20	Nf3	Nc5	40	Kxg3	Kc7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			2		
[Signature]			Li, Yupeng								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/07/12

Group U14
Round 3
Board 14

WHITE Lee Jodwon											
BLACK Li, Yupeng											
FED						FED					
RESULT (W)						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Ng5	Qb6	41	Nf4	Rg8	61		
2	Nf3	d5	22	Qh4	Rf8	42	Ng5	Rg8	62		
3	exd5	cxd5	23	Qh7	Kf8	43	Kf3	f5	63		
4	d4	Nf6	24	Qh8	Ke7	44	g4	fg4	64		
5	c3	Nc6	25	Qg7	Rf8	45	Rg4	Rb5	65		
6	Bd3	Bg4	26	Qf6	Ke8	46	b4	Rd5	66		
7	Bf4	e6	27	Rab1	Ne4	47	Rd4	Rf5	67		
8	O-O	Be7	28	Rd4	dcl	48	Kd3	Ke6	68		
9	Nbd2	O-O	29	Ne4	Rd8	49	Q4	a6	69		
10	h3	Bh5	30	Qf4	Kd7	50	Rf4	Rd5	70		
11	Qb3	Na5	31	Rd1	Ke7	51	Rd4	Kd6	71		
12	Qc2	Bg6	32	Na6	Qc6	52	Rd5	Kd5	72		
13	Rxg6	hxg6	33	Rd4	g5	53	c4	b6	73		
14	Ne5	Nc6	34	Qd3	Kd8	54	f3	a5	74		
15	Rf6	Ne5	35	Rd4	Qd5	55	c5	Kd5	75		
16	Rd5	Bd6	36	Rd4	Rd6	56	ab5	Q4	76		
17	Qd3	Rd5	37	ed6	Qd1	57	b6		77		
18	dex	Nd7	38	Kh2	Qd6	58			78		
19	Qg3	Rd8	39	Qg3	Qg3	59			79		
20	Nf3	Nc5	40	Kd3	Kd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			2		
[Signature]			Li, Yupeng								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23-8-2026

Group B14
Round 3
Board 15

WHITE Chen, Yi-Hsiang Gabriel						FED TPE						RESULT (W)					
BLACK Sin Tsz Hin Zachary						116						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	f4	Qf6	41						61					
2	d4	d5	22	fxe5	Bxe5	42						62					
3	Nc3	dxe4	23	Rf1	Qh4	43						63					
4	Nxe4	Bd7	24	g3	Qg5	44						64					
5	c3	Bc6	25	Qf3	f5	45						65					
6	Bd3	Nd7	26	Rae1	f4	46						66					
7	Nc3	Ngf6	27	Kh1	Rf1	47						67					
8	Bg5	Be7	28	Re4	Qf5	48						68					
9	Nxf6	Nxf6	29	gxf4	Bd6	49						69					
10	O-O	b6	30	Qe3	Qh5	50						70					
11	Ne5	Bb7	31	Re8	Kg7	51						71					
12	Bxf6	Bxf6	32	Qd4	Rf6	52						72					
13	Bb5+	Ke7	33	Rxh8	g5	53						73					
14	Bc6	Bxe5	34	Rg8+	Rxg8	54						74					
15	Bxb7	Rb8	35	Qxf6	Bxf4	55						75					
16	Qf3	Bd6	36	Qd8+	Kg7	56						76					
17	Bc6	Kf8	37	Qe7+	Kg8	57						77					
18	Rfe1	Kg8	38	Qe8+	Qxe8	58						78					
19	d5	e5	39	Bxc8		59						79					
20	Qd3	g6	40			60						80					
SIGNATURE (WHITE) Chen, Yi-Hsiang						SIGNATURE (BLACK) zzh						SIGNATURE (ARBITER) 王					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23-8-2026

Group B14
Round 3
Board 15

WHITE Chen, Yi-Hsiang Gabriel						FED TPE						RESULT (W)					
BLACK Sin Tsz Hin Zachary						116						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	f4	Qf6	41						61					
2	d4	d5	22	fxe5	Bxe5	42						62					
3	Nc3	dxe4	23	Rf1	Qh4	43						63					
4	Nxe4	Bd7	24	g3	Qg5	44						64					
5	c3	Bc6	25	Qf3	f5	45						65					
6	Bd3	Nd7	26	Rae1	f4	46						66					
7	Nf3	Nf6	27	1:12 Kh1 1:27 Rf8		47						67					
8	Bg5	Be7	28	Re4	Qf5	48						68					
9	Nxf6	Nxf6	29	gxf4	Bd6	49						69					
10	O-O	b6	30	Qe3	Qh5	50						70					
11	Ne5	Bb7	31	Re8	Kg7	51						71					
12	Bxf6	Bxf6	32	Qd4	Rf6	52						72					
13	Bb5	Ke7	33	Rxh8	g5	53						73					
14	Bc6	Bxe5	34	Rg8+	Rxg8	54						74					
15	Bxb7	Rb8	35	Qxf6	Bxf4	55						75					
16	Qf3	Bd6	36	Qd8+	Kg7	56						76					
17	Bc6	Kf8	37	Qe7+	Kg8	57						77					
18	Rfe1	Kg8	38	Qe8+	Qxe8	58						78					
19	d5	e5	39	Bxc8		59						79					
20	Qd3	g6	40			60						80					
SIGNATURE (WHITE) Chen, Yi-Hsiang						SIGNATURE (BLACK) zzh						SIGNATURE (ARBITER) 王					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27 Board 3

11:26

Group B14

Round 9

Board 3

WHITE wangzeyu											
BLACK khangui0											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rx08 Qxc7	41	Kd3	b4	61	h6		
2	c3	e6	22	Qc1	bb4	42	nxh6	t3	62		
3	d4	cd	23	Rxe7	nxg8	43	ntb	be1	63		
4	cd	d5	24	Qd1	Qc2	44	nd6	b3	64		
5	ed	ed	25	Qxc2	bxc2	45	13	Kg7	65		
6	nt3	nc6	26	nd2	g6	46	ne4	kg6	66		
7	nc3	nt6	27	f3	nc3	47	d5	ba6	67		
8	b95	ke6	28	ne1	bxb6	48	nc5	ke1	68		
9	b65	as	29	Nxb3	Lxe1	49	g6	kt7	69		
10	bax	b65	30	as	h27	50	ne4	ke6	70		
11	b3	be1	31	nc5	as	51	nxg5	kt7	71		
12	h3	o-o	32	nd7	ne3	52	nxg7	bxt2	72		
13	o-o	h1	33	nb5	kt7	53	nd2	bc5	73		
14	bh4	Re8	34	nxg5	ke6	54	h4	ke6	74		
15	Re1	Rc8	35	he3	g4	55	nb2	bxa3	75		
16	Rc1	na5	36	kt1	ba5	56	nxg4	kt6	76		
17	bc2	h4	37	g4	h4	57	h4	kg6	77		
18	b3	na3	38	nt5	nt6	58	kt5	bt7	78		
19	nb1	nxg2	39	nxg4	kt7	59	h5	kg6	79		
20	Rxc7	bt5	40	ke2	bc3	60	h66	kt7	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
wangzeyu											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27 Board 3

11:26

Group B14

Round 9

Board 3

WHITE wangzeyu											
BLACK khangui0											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	cu.	c5	21	Rc8	Qc8	41	Kd3	b4	61	h6	kg5
2	cg.	e6	22	Qc1	bb4	42	Nh6	t3	62	h7	Bk6
3	du	au	23	Rc8	Nc8	43	Nf5	Be1	63		
4	du	ds	24	Qd1	Qc2	44	Nd6	b3	64		
5	ds	ds	25	Qc2	bc2	45	as	kg7	65		
6	Nf3	nc6	26	Nd2	g5	46	Re4	kg6	66		
7	Nc3	Nf6	27	g3	f5	47	ds	ba6	67		
8	Bg5	ba6	28	Nc1	g6	48	Nc5	ke6	68		
9	Bb5	g6	29	Nb3	kt7	49	g6	kt7	69		
10	Ba4	b5	30	Bc5	Ng7	50	N24	ke6	70		
11	ab2	ke7	31	Nc5	g5	51	Ng5	kt6	71		
12	h3	oc	32	Nd2	Nc8	52	Nc3	kt7	72		
13	o-o	h6	33	Nb6	kt7	53	kt7	kt7	73		
14	Bh4	Rc8	34	Nd5	ke6	54	Nc4	ke6	74		
15	Re1	Rc8	35	Nc3	g4	55	Nb2	kt7	75		
16	Rc1	na5	36	kt1	ba5	56	nxg4	kt6	76		
17	bc2	h4	37	g4	h4	57	h4	kg6	77		
18	b3	na3	38	nt5	nt6	58	kt5	bt7	78		
19	nb1	nxg2	39	nxg4	kt7	59	h5	kg6	79		
20	Rxc7	bt5	40	ke2	bc3	60	h66	kt7	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
wangzeyu											

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
3	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43
4	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54
5	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65
6	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76
7	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87
8	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98
9	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109
10	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120
11	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131
12	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142
13	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153
14	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164
15	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175
16	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186
17	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197
18	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208
19	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219
20	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230

11:36
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.8.23

Group B14
Round 3
Board 18

WHITE Jhang En-Rui											
BLACK Wang, Yansiang											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rb6	Rb5	41	Rh7	Rc1	61	Qg7	
2	d4	d5	22	Rxe5	Kd7	42	Rxc7	Rxc7	62		
3	Nc3	Nf6	23	Rxb7	Rx7	43	Kc2	Rc7	63		
4	e5	Nfd7	24	Nb4	Rb6	44	Bh5	Ke7	64		
5	Nf3	c5	25	Rg5	g6	45	Qb7	Kxf7	65		
6	Bg5	Be1	26	b4	Ke7	46	f4	Ke6	66		
7	Bxe1	Qxe1	27	Rc5	Ra8	47	g4	Kg6	67		
8	Nd5	Ke8	28	Rc7	Kc8	48	h4	a5	68		
9	c4	cd	29	Ng6	Kg7	49	ba	Ke6	69		
10	Qxd4	Nc6	30	Rxf7	Kg8	50	a6	b4	70		
11	Qc3	Qb4	31	Re7	Ke8	51	an	b3	71		
12	0-0-0	Qx3	32	Rxh7	Kg8	52	Kxb3	Kg6	72		
13	Nxc3	dc	33	Rd7	Re8	53	a8-a	Kf6	73		
14	Bxc4	Ke7	34	Nc4	Kf8	54	Qc6	Ke7	74		
15	Rhe1	ab	35	Nd6	Reb8	55	Qe6	Ke8	75		
16	a3	b5	36	Bxc6	g5	56	Nd7	Kg7	76		
17	Ba2	Bb1	37	g3	g4	57	Qe6	Kg7	77		
18	Kb1	Rag	38	bxc7	Rc6	58	t5	Kg8	78		
19	Rd6	Ndxe5	39	Ne4	Rc8	59	h5	Ka7	79		
20	Nes	Nes	40	Nc5	Ke8	60	h6	Kg8	80		
SIGNATURE (WHITE) Jhang En-Rui				SIGNATURE (BLACK) Wang Yansiang				SIGNATURE (ARBITER) J			

11:36
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.8.23

Group B14
Round 3
Board 18

WHITE Jhang, En-Rui											
BLACK Wang Yansiang											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6 (1'30)	21	Rb6	Rb8 (4'31)	41	Rh7	Rc7	61	Qg7	
2	d4	d5 (1'31)	22	Rc5	Kd7 (4'42)	42	Rc7	Rc7	62		
3	Nc3	Nf6 (1'31)	23	Rb7	Rb7 (4'43)	43	Kc2	Rc7	63		
4	e5	Nfd7 (1'31)	24	Ne4	Rb6 (4'44)	44	Bh5	Ke7	64		
5	Nf3	c5 (1'31)	25	Rg5	g6 (4'45)	45	Qb7	Kxf7	65		
6	Bg5	Be1 (1'31)	26	b4	Ke7 (4'46)	46	f4	Ke6	66		
7	Bxe1	Qxe1 (1'31)	27	Rc5	Ra8 (4'47)	47	g4	Kg6	67		
8	Nd5	Ke8 (1'31)	28	Rc7	Kc8 (4'48)	48	h4	a5	68		
9	c4	cd (1'31)	29	Ng6	Kg7 (4'49)	49	ba	Ke6	69		
10	Qxd4	Nc6 (1'31)	30	Rxf7	Kg8 (4'50)	50	a6	b4	70		
11	Qc3	Qb4 (1'31)	31	Re7	Ke8 (4'51)	51	an	b3	71		
12	0-0-0	Qx3 (1'31)	32	Rxh7	Kg8 (4'52)	52	Kxb3	Kg6	72		
13	Nxc3	dc (1'31)	33	Rd7	Re8 (4'53)	53	a8-a	Kf6	73		
14	Bxc4	Ke7 (1'31)	34	Nc4	Kf8 (4'54)	54	Qc6	Ke7	74		
15	Rhe1	ab (1'31)	35	Nd6	Reb8 (4'55)	55	Qe6	Ke8	75		
16	a3	b5 (1'31)	36	Bxc6	g5 (4'56)	56	Nd7	Kg7	76		
17	Ba2	Bb1 (1'31)	37	g3	g4 (4'57)	57	Qe6	Kg7	77		
18	Kb1	Rag (1'31)	38	bxc7	Rc6 (4'58)	58	t5	Kg8	78		
19	Rd6	Ndxe5 (1'31)	39	Ne4	Rc8 (4'59)	59	h5	Ka7	79		
20	Nes	Nes (1'31)	40	Nc5	Ke8 (5'00)	60	h6	Kg8	80		
SIGNATURE (WHITE) Jhang En-Rui				SIGNATURE (BLACK) Wang Yansiang				SIGNATURE (ARBITER) J			